TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 847/2024/DS-PT
Ngày 25 tháng 9 năm 2024
V/v tranh chấp "Đòi tài sản (Quyền sử dụng đất) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Ông Ngô Đức Thọ

- Thư ký phiên tòa: *Ông Phạm Quang Hiển* - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 20 và 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 498/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc "Đòi tài sản (Quyền sử dụng đất) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2024/DS-PT ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2798/2024/QĐPT-DS ngày *29 tháng 8 năm 2024*, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Khưu Minh T (Khưu Văn T1), sinh năm 1966 (có mặt);

1.2. Bà Trần Thị N (Trần Thị N1), sinh năm 1968 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Thành L, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ F, khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Xuân H, sinh năm 1964 (có mặt lúc xét xử, vắng mặt khi tuyên án);

Nơi cư trú: Tổ A, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Phan Trần Tuyết L1, sinh năm 1988 (có mặt lúc xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

3.2. Anh Phan Trần Tuấn L2, sinh năm 1992 (có mặt lúc xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

3.3. Cháu Lê Hoàng D, sinh năm 2011 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Hoàng D*:* Chị Phan Trần Tuyết L1.

Cùng cư trú: Tổ A, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.4. Ủy ban nhân dân thành phố L (vắng mặt và có văn bản xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số I, đường N nối dài, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn - ông Khưu Minh T (Khưu Văn T1) và bà Trần Thị N (Trần Thị N1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Khưu Minh T *(*Khưu Văn T1*), bà* Trần Thị N *(*Trần Thị N1*) và lời khai của ông* T1*, bà* N *cùng người đại diện hợp pháp của ông* T1*, bà* N *như sau*:

Nguồn gốc phần đất diện tích 852,1m^2, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất ở 600m^2 và đất trồng cây lâu năm 252,1m^2, tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang do cha mẹ của bà N là cụTrần Phước Viễn (đã chết) và cụ Phan Thị Đ (đã chết) để lại cho ông bà vào năm 2002. Khi cho đất, cha mẹ chỉ nói miệng mà không làm giấy tờ. Đất đã được UBND thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05538 cho ông Khưu Minh T (Khưu Văn T1) và bà Trần Thị N (Trần Thị N1) ngày 05/3/2018.

Thời gian ông T1, bà N không nhớ nhưng khoảng sau năm 2000 ông Phan Văn D1 (đã chết) là cha chồng của bà Trần Thị Xuân H xin cha mẹ của ông T1 cho ở nhờ trên phần đất diện tích 133,70m^2 đến hết đời ông D1 thì trả lại đất. Năm 2021, ông D1 chết, ông T1 và bà N đã nhiều lần yêu cầu gia đình bà H và các con cháu tháo dỡ, di dời nhà trả lại phần đất trên để ông bà sử dụng nhưng bà H không đồng ý.

Năm 2008, khi ông T1, bà N xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì căn nhà gắn liền trên đất do Phan Văn D1 ở nhưng ông D1 không ký tên tại hồ sơ, còn mẹ con bà H đi làm ăn xa không có ở nhà.

Ông bà yêu cầu bà H và con cháu là chị Phan Trần Tuyết L1, anh Phan Trần Tuấn L2, cháu Lê Hoàng D phải tháo dỡ, di dời nhà, vật kiến trúc và cây trồng trên đất để trả lại cho ông bà phần đất diện tích 133,70m^2 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH N3 lập ngày 13/02/2023. Ông T1 và bà N đồng ý hỗ trợ gia đình bà H chi phí di dời số tiền 30.000.000 đồng. Ông bà không đồng ý với yêu cầu của bị đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05538 đã cấp cho ông T1 và bà N ngày 05/3/2018.

Tại bản tự khai và lời khai trong suốt quá trình tham gia tố tụng của bị đơn - bà Trần Thị Xuân H *như sau*:

Cụ Phan Văn N2 (ông nội chồng của bà H) và cụ Phan Thị Đ (mẹ của bà N) là anh em ruột.

Nguồn gốc phần đất diện tích 133,70m^2 đang tranh chấp là do ông nội chồng là Phan Văn N2 để lại cho chồng của bà là Phan Văn G cất nhà ở từ năm 1995 đến nay, khi ông nội chồng cho đất không làm giấy tờ.

Khi ông T1 và bà N xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05538 ngày 05/3/2018 thì mẹ con bà đi làm ăn xa nên không ký tên trên hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1, bà N thì mẹ con bà cũng không biết.

Sau khi nhận đất cất nhà ở, do gia đình bà không thực hiện việc đóng thuế đất cho Nhà nước nên tại Biên bản vi phạm hành chính ngày 23/6/1998 đã xử phạt vi phạm hành chính đối với chồng của bà là ông Phan Văn G. Từ trước đến nay gia đình bà chưa kê khai, đăng ký để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, ngoài phần đất này ra gia đình bà không còn phần đất nào khác để di dời nhà.

Bà không đồng ý tháo dỡ, di dời nhà để trả cho ông T1, bà N phần đất diện tích 133,70m^2. Bà yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05538 cấp cho ông T1 và bà N ngày 05/3/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phan Trần Tuyết L1 *và anh* Phan Trần Tuấn L2 *trình bày:*

Anh chị thống nhất theo ý kiến của bà H đã trình bày trên. Anh chị không đồng ý tháo dỡ, di dời nhà để trả lại cho ông T1, bà N phần đất diện tích 133,70m^2. Anh chị yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05538 cấp cho ông T1 và bà N ngày 05/3/2018.

2. Ủy ban nhân dân thành phố L *trình bày*:

Do điều kiện công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L không thể tham dự quá trình tố tụng tại Tòa án. Vì vậy xin phép được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp.

Tại bản án dân sự số 46/2024/DS-PT ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Khưu Minh T (Khưu Văn T1) và bà Trần Thị N (Trần Thị N1).

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Xuân H và chị Phan Trần Tuyết L1, anh Phan Trần Tuấn L2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05538 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Khưu Minh T (Khưu Văn T1) và bà Trần Thị N (Trần Thị N1) ngày 05/3/2018.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 13/5/2024, nguyên đơn - ông Khưu Minh T (Khưu Văn T1) và bà Trần Thị N (Trần Thị N1) kháng cáo toàn bộ bản án dân sự số 46/DS-PT ngày 17 tháng 4 năm

2024 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang, yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại vụ án theo hướng huỷ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ông Phan Thành L đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, lý do:

+ Từ khi gửi đơn xin hoãn phiên toà lần 1, nguyên đơn không nhận được bất cứ văn bản nào hoặc Quyết định hoãn phiên toà được tống đạt hợp lệ theo qui định của Luật tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn không biết được Toà án đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 17 tháng 4 năm 2024. Việc Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông T1, bà N là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

+ Việc Toà án giải quyết chấp nhận yêu cầu của bị đơn, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05538 cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho nguyên đơn vào năm 2018 chỉ dựa trên Biên bản xử phạt bị đơn vi phạm hành chính vào năm 1998 mà không xác minh, trích lục hồ sơ về nguồn gốc đất, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có ý kiến của UBND thành phố L về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05538 cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và hoàn toàn không có căn cứ, chỉ nghe theo ý kiến một chiều của bị đơn.

+ Thực chất, gia đình của nguyên đơn chỉ cho cha chồng của bị đơn – bà H cất nhà tạm ở nhờ trên đất nên việc cất nhà ở tạm không phép không được ghi nhận do đã xử phạt vi phạm hành chính; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cư trú trên đất; không quản lý, sử dụng đất; khi cha chồng bị đơn chết thì bị đơn mới từ nơi khác trở về chiếm giữ và sửa chữa, nâng cấp nhà để chiếm đoạt đất của gia đình nguyên đơn.

- Bị đơn – bà Trần Thị Xuân H trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích 133,70m^2 do ông nội chồng bà H là ông Phan Văn N2 để lại cho chồng của bà là Phan Văn G. Vợ chồng bà đã cất nhà ở từ năm 1995 đến nay. Bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà là đúng pháp luật. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phan Trần Tuấn L2, bà Phan Trần Tuyết L1 trình bày: ông bà không kháng cáo, đồng ý với ý kiến và yêu cầu của bà Trần Thị Xuân H. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận: Các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày như đã nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố

tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Thủ tục tống đạt việc xét xử sơ thẩm lần 2 ngày 17/4/2024 của Toà án cấp sơ thẩm chưa đảm bảo đúng qui định Luật tố tụng tố tụng dân sự về việc cấp, tống đạt nên việc Toà án cấp sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đảm bảo thủ tục tố tụng.

Việc Toà án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết yêu cầu huỷ quyết định cá biệt của bị đơn nên phải giải quyết theo thủ tục tố tụng hành chính.

Các bên đương sự chỉ tranh chấp đối với diện tích đất 133,7m^2 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với toàn bộ diện tích đất nguyên đơn được cấp 852m^2 là không phù hợp.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và chưa có văn bản hỏi UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn.

Do bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và về nội dung như phân tích trên. Nên kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo trình tự, thủ thục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục giải quyết vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt đại diện UBND thành phố L, tỉnh An Giang (có văn bản xin vắng mặt). Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn - ông Khưu Minh T (Khưu Văn T1) và bà Trần Thị N (Trần Thị N1) yêu cầu hủy án sơ thẩm:

[2.1] Về việc nguyên đơn - ông T1, bà N cho rằng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 vào ngày 17/4/2024 nên không biết để tham dự phiên tòa nhưng Tòa án đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông bà là không đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà.

[2.1.1] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 28/3/2024, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa. Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024 ngày 28/3/2024, ấn định thời điểm mở lại phiên tòa (lần 2) lúc 07 giờ 30 phút ngày 17/4/2024.

[2.1.2] Căn cứ Biên bản tống đạt (do bưu tá) ký giao cho bà Trần Thị H1 (chị ruột bà N) ký nhận thay nhưng không thể hiện bà H1 cam kết giao lại Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn.

[2.1.3] Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn cho rằng không được bà H1 giao lại Quyết định hoãn phiên tòa hay giấy triệu tập nên không biết thời gian để tham dự phiên tòa lần 2.

[2.1.4] Căn cứ Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thủ tục tống đạt trên của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đảm bảo nên việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2.2] Trong vụ án này nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn tháo dỡ, di dời công trình, tài sản trên đất để trả lại diện tích đất 133,7m^2 cho nguyên đơn. Ngược lại, bị đơn không đồng ý và có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho nguyên đơn. Việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý ban đầu theo thủ tục tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp là 'Đòi tài sản" (quyền sử dụng đất) và "Hủy quyết định cá biệt" là đúng qui định tại khoản 2 Điều 26 và khoản 4 Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Tuy nhiên, kể cả trong trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (với lý do như đã nêu ở trên) và bị đơn vẫn không rút yêu cầu hủy quyết định cá biệt (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn) thì vụ án này phải được giải quyết theo thủ tục tố tụng hành chính. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết mỗi yêu cầu hủy quyết định cá biệt theo thủ tục tố tụng dân sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.4] Mặt khác, về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không có ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố L về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số cho nguyên đơn; không đánh giá đầy đủ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ về quá trình địa phương làm việc, hòa giải, ghi nhận ý kiến của các bên trong quá trình các bên tranh chấp quyền sử dụng đất trước khi họ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án mà đã chấp nhận yêu cầu của bị đơn, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn là không đủ căn cứ.

[2.5] Ngoài ra, giữa các bên chỉ tranh chấp đối với phần diện tích đất 133,7m^2 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với toàn bộ diện tích đất nguyên đơn được cấp 852m^2 là không phù hợp.

[3] Bị đơn, bà H không kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà H cũng đề nghị Tòa án xác minh, làm rõ về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất. Nếu đất không phải của gia đình bà thì bà cũng đồng ý trả lại cho nguyên đơn.

[4] Xét thấy, sai sót như đã phân tích trên là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và về nội dung, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và đảm bảo hai cấp xét xử, cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 46/2024/DS-ST ngày 17/4/2024 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xác minh, làm rõ những vấn đề đã phân tích trên.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H2 lại cho nguyên đơn – ông T1, bà N mỗi người 300.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000303, 0000302 ngày 22/5/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 46/2024/DS-ST ngày 17/4/2024 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn – ông Khưu Minh T (Khưu Văn T1) và bà Trần Thị N (Trần Thị N1) với bị đơn - bà Trần Thị Xuân H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1.2. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết lại vụ án theo trình tự, thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn - ông T1, bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

H2 lại cho nguyên đơn – ông T1, bà N mỗi người 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000303, 0000302 ngày 22/5/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
– TAND tỉnh An Giang;
– VKSND tỉnh An Giang;
– Cục THADS tỉnh An Giang;
– Các đương sự;
– Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa